

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 4- 2023
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua
2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2022 về “tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quách Thị Hồng N, sinh năm 1992, nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh H (có mặt).
2. *Bị đơn:* Anh Trần Hữu T, sinh năm 1991, nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Quách Thị Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Trần Hữu T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hôn nhân

bất hòa thường xuyên cãi vã với nhau. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh chị đã ly thân khoảng 01 năm nay. Do đó, chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Hữu T.

Về con chung: Chị với anh Trần Hữu T có 01 người con chung là cháu Trần Ngọc Quỳnh H sinh ngày 12/5/2021 đang sống cùng chị nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại văn bản ngày 22/02/2023, bị đơn anh Trần Hữu T trình bày:

Về hôn nhân: Anh với chị Quách Thị Hồng N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau này xảy ra mâu thuẫn nên chị Quách Thị Hồng N đã về bên nhà chị sinh sống, anh chị đã ly thân khoảng 01 năm nay. Anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh với chị Quách Thị Hồng N có 01 người con chung là cháu Trần Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 12/5/2021. Cháu Trần Ngọc Quỳnh H đang sống cùng chị Quách Thị Hồng N. Chị Quách Thị Hồng N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, anh không ý kiến.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; về con chung giao cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, chưa giải quyết về cấp dưỡng nuôi con do chưa có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; về án phí hôn nhân gia đình và sơ thẩm buộc nguyên đơn chịu theo quy định pháp luật. Về yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định; Có 01 người con chung là cháu Trần Ngọc Quỳnh H sinh ngày 12/5/2021, nguyên đơn yêu cầu được nuôi con, bị đơn không ý kiến; Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự chưa yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không có.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn; bị đơn không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn, yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Trần Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 21/02/2017, nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân (đăng ký kết hôn) nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Quách Thị Hồng N với bị đơn anh Trần Hữu T đăng ký kết hôn vào ngày 21/02/2017, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh H. Thời điểm anh chị đăng ký kết hôn, thì anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hôn nhân bất hòa thường xuyên cãi vã với nhau nên anh chị đã ly thân khoảng 01 năm nay. Tại phiên tòa, chị Quách Thị Hồng N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trần Hữu T. Tại văn bản ngày 22/02/2023, phía anh Trần Hữu T không đồng ý ly hôn nhưng lại không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, cả hai lần mở phiên tòa anh Trần Hữu T đều vắng mặt. Như vậy, từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị Quách Thị Hồng N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị Quách Thị Hồng N với anh Trần Hữu T có một người con chung là cháu Trần Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 12/5/2021.

Về nuôi con: Con chung do chị Quách Thị Hồng N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Quách Thị Hồng N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, phía anh Trần Hữu T không có ý kiến. Xét thấy, nguyên đơn là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Để ổn định về tâm lý cũng như sự phát triển toàn diện của con chung nên tiếp tục giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Quách Thị Hồng N là người trực tiếp nuôi con nhưng chưa có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về hôn nhân: Cho chị Quách Thị Hồng N với anh Trần Hữu T được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Quỳnh H, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2021 cho chị Quách Thị Hồng N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Người trực tiếp nuôi con chưa yêu cầu nên chưa xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003161, ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Quyền Trân